

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/HS-ST
Ngày: 11 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới

Ông Lê Đình Ty

Bà Mai Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Mai Phương Thảo và bà Lê Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 194/2021/TLST-HS ngày 23/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2021/QĐXXST-HS ngày 25/10/2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn T - sinh ngày 10 tháng 6 năm 1987, tại huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Xóm A, xã M, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Phúc và bà Vũ Thị Long; có vợ là Phạm Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: ngày 16/12/2020; tạm giam: ngày 25/12/2020; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thu Huệ - Luật sư, Công ty Luật TNHH Ninh Hoàng Gia thuộc đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Địa chỉ: Lô 186, khu đô thị Đông Bắc Ga, đường Dương Đình Nghệ, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn Th – sinh năm: 1982; có mặt.

Bà Vũ Thị H - sinh năm: 1983; có mặt.

Cùng trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Phạm Thị L - sinh năm: 1987; có mặt.

Trú tại: Xóm A, xã M, huyện V, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, Phạm Văn T và vợ là Phạm Thị L, cần tiền trả nợ cá nhân đã vay nợ số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) của vợ chồng chị H, anh Th, thời hạn trả tiền là ngày 11/8/2020. Khi đến hạn trả tiền, bà Th nhiều lần yêu cầu T trả tiền nhưng T khất lần không trả. Đến tháng 10/2020, T nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 989005, mang tên Phạm Văn T và Phạm Thị L, đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 08, ở xóm A, xã M, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, do UBND huyện Vĩnh Lộc cấp ngày 30/06/2016 mà vợ chồng T đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Văn Chiến (anh Chiến là anh trai của T) vào tháng 12/2019, để lừa bán đất cho vợ chồng ông Th, bà Th. Đầu tiên, T đã sử dụng bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 989005 để trao đổi thỏa thuận với bà Th, hai bên thống nhất T bán thửa đất cho bà Th với giá 600.000.000đ, trừ số tiền T nợ là 400.000.000đ và bà Th phải trả thêm cho T số tiền 200.000.000đ. Sau đó, thông qua mạng internet, T liên hệ với số điện thoại 0938.429.346 và đặt thuê làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Phạm Văn T và Phạm Thị L đối với thửa đất trên với giá là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngày 08/12/2020, T chuyển số tiền đặt cọc 1.000.000đ (Một triệu đồng) vào tài khoản số 10924637, mang tên Trần Trung Kiên của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/12/2020, nhân viên giao hàng đến giao cho T bưu phẩm bên trong có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. T kiểm tra rồi giao cho nhân viên giao hàng số tiền 9.000.000 (Chín triệu đồng). Sáng ngày 16/12/2020, T mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến nhà bà Th. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà Th giao cho T số tiền 200.000.000đ còn lại như đã thỏa thuận thì T bị Công an huyện Vĩnh Lộc bắt quả tang.

Cơ quan CSĐT xác minh tại UBND huyện Vĩnh Lộc về thửa đất số 173, tờ bản đồ số 08, ở xóm A, xã M, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, kết quả: Thửa đất hiện đang đứng tên Phạm Văn Chiến và Phạm Thị Hải theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CR 942421, do UBND huyện Vĩnh Lộc cấp ngày 23/12/2019.

Tại Kết luận giám định số 127/PC09, xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn T, Phạm Thị L, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 08, ở

xóm A, xã M, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, do UBND huyện Vĩnh Lộc cấp ngày 30/06/2016 là giả.

Về hành vi của những người liên quan

Căn cứ kết quả điều tra, xác định: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 16/12/2020, bà Phạm Thị L có ký và viết tên. Tuy nhiên, lời khai của bà Lan và Phạm Văn T đều khẳng định bà Lan không được T bàn bạc, trao đổi về việc thực hiện hành vi phạm tội; việc ký, viết tên là do T yêu cầu, bà Lan không biết, không đọc nội dung hợp đồng.

Quá trình làm việc với cơ quan điều tra bà Vũ Thị H cũng khẳng định không trực tiếp trao đổi, bàn bạc và thống nhất với bà Phạm Thị L về việc chuyển nhượng thửa đất trên. Do đó, không đủ căn cứ xác định bà Lan đồng phạm với Phạm Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4, Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 3, Điều 341 BLHS.

Đối với số điện thoại 0938429346 đề tên là “Sổ đỏ”, chủ thuê bao tên Lê Hoàng Nhân, địa chỉ Võ Xá, Trung Sơn, Gio Linh, Quảng Trị. Khoảng cuối năm 2019, Nhân bị mất số điện thoại này, đến nay không sử dụng lại, đồng thời Nhân không biết và không liên quan đến việc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phạm Văn T.

Số tài khoản số 10924637, mang tên Trần Trung Kiên, sinh ngày 05/10/1989, nơi đăng ký thường trú: Ấp 3, Vĩnh Hòa, Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang, tạm trú tại: Thạnh Xuân 25, phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, số CMND 371579638, cấp ngày 31/03/2015, nơi cấp: Công an tỉnh Kiên Giang, điều tra xác minh tại Quận 12, TP. Hồ Chí Minh và Gò Quao, Kiên Giang không xác định được người có tên Trần Trung Kiên với thông tin nêu trên. Do đó, Cơ quan CSĐT chưa xác định được đối tượng có hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Khi có căn cứ, Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra làm rõ.

Vật chứng và tài sản thu giữ

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 989005, mang tên chủ sở hữu Phạm Văn T, Phạm Thị L, đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 08, ở xóm A, xã M, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, do UBND huyện Vĩnh Lộc cấp ngày 30/06/2016;
01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 16/12/2020, bên chuyển nhượng là Phạm Văn T, Phạm Thị L và bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Văn Th, Vũ Thị H, được kèm theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 200.000.000đ chi Vũ Thị H giao cho Phạm Văn T để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngày 07/01/2021, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 09/CSĐT và tiến hành giao trả số tiền 200.000.000đ cho chi Vũ Thị H.

- 01 (một) đầu thu hệ thống Camera nhãn hiệu Vantech, số IP: 1080P/120P màu đen đã qua sử dụng, ngày 08/01/2021, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 09a/CSĐT và tiến hành trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn Th.

- 02 (hai) điện thoại của Phạm Văn T:

+ 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu đen, có số seri 357328089654192;

+ 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG A70, màu xanh, có số seri 355915101850428101 tạm giữ trong quá trình điều tra vụ án đã được chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý.

Phần dân sự: Gia đình Phạm Văn T đã khắc phục cho gia đình ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Thơm số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

- Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS-P3 ngày 21/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thay đổi quyết định truy tố, theo đó đổi tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” sang tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 55; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 298 BLTTHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 năm đến 12 năm tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự: Công nhận gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại. Tịch thu để sung công quỹ Nhà nước toàn bộ vật chứng gồm 02 điện thoại thu của bị cáo đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa của bị cáo đồng ý với việc thay đổi tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS để xem xét giảm nhẹ hình phạt và xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Bị cáo Phạm Văn T cung cấp thông tin về sổ thửa đất, diện tích đất, địa chỉ và họ tên người sử dụng đất cho đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 989005, mang tên Phạm Văn T và Phạm Thị L, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 08, ở xóm 9, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên bị cáo là đồng phạm về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đổi tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” sang tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại và vật chứng thu được cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Thấy đủ cơ sở chứng minh: Phạm Văn T đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 989005, mang tên Phạm Văn T và Phạm Thị L, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 08, ở xóm 9, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa là thửa đất mà vợ chồng T đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Phạm Văn Chiến (là anh trai của T) vào tháng 12/2019 để chuyển nhượng cho vợ chồng chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn Th chiếm đoạt số tiền là 600.000.000 đồng. Sáng ngày 16/12/2020, T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến nhà chị H như đã thỏa thuận từ trước, thì bị cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc bắt quả tang. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo như trên là đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Phạm Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS.

[4]. Tính chất vụ án: Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại nên đã dùng thủ đoạn gian dối, tinh vi là làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành

chính của Nhà nước và quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung, cần phải xử lý nghiêm minh.

[5]. Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Với tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Mặt khác, bị cáo phạm hai tội nên căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS giảm nhẹ một phần TNHS và xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật sớm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội; vì bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường xong thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại là vợ chồng chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn Th số tiền 600.000.000đ. Gia đình bị cáo đã bồi thường xong về phần dân sự. Bị hại không yêu cầu gì thêm nên công nhận.

[7]. Vật chứng: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu đen, có số seri 357328089654192 và 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG A70, màu xanh, có số seri 355915101850428101. Toàn bộ vật chứng trên dùng vào việc phạm tội nên tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[8]. Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 298 BLTTHS.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 16/12/2020.

Về phần dân sự: Công nhận bị cáo đã bồi thường xong về phần dân sự cho bị hại.

Áp dụng: Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 của BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vật chứng: Tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước vật chứng gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 357328089654192 và 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng; kèm sim điện thoại không xác định được số.

(Toàn bộ vật chứng trên đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 203/2021/TV-CTHADS ngày 23/9/2021).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; - Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM ND THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Lê Thu Hương

Lê Thị Thủy